

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 9 - 2021.

V/v tranh chấp Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Lê Thị Diễm Huyền;
2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 205/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 01/01/1986.

Địa chỉ: Số 337/2, ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Số 310/2, ấp A, xã A, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* ông Võ Văn S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 337/2, ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Võ Văn S chung sống với nhau được cha, mẹ hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Giấy chứng nhận kết hôn số 78, ngày 19/9/2017. Quá trình chung sống ông, bà có 02 người con chung tên Võ Minh H, sinh ngày 12/7/2006 và Võ Ái M, sinh ngày 13/7/2017 hiện đang sống với bà N. Do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông, bà đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2020 đến nay.

Nay bà N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu xin ly hôn với ông Võ Văn S, sinh năm 1987.
- Về con chung: Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung là cháu Võ Minh H, sinh ngày 12/7/2006 và Võ Ái M, sinh ngày 13/7/2017 hiện đang sống với bà N. Bà yêu cầu ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000đồng/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.
- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại Tờ tường trình nộp tại Tòa án và biên bản hòa giải ngày 08/7/2021 bị đơn ông Võ Văn S trình bày: Ông có nhận được thông báo thụ lý vụ án về việc bà N khởi kiện xin ly hôn ông. Ý kiến của ông là không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ, con, ông không có yêu cầu phản tố. Về cấp dưỡng thì ông có khả năng. Về tài sản chung và nợ chung ông tự khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và tư cách của người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông S đã mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, cho bà N được ly hôn với ông S.

Về con chung: Do con chung là cháu Võ Minh H, sinh ngày 12/7/2006 và Võ Ái M, sinh ngày 13/7/2017 sống cùng với bà N từ khi vợ chồng ly thân vào tháng 6 năm 2020 đến nay, ông S không có yêu cầu nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao hai con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu H và ý kiến của Phòng Lao động Thương binh xã hội đối với cháu H và cháu M.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung các đương sự tự khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn S vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông S, ông S đã có bản tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà N và ông S có đăng ký kết hôn vào ngày 19/9/2017, do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Theo biên bản xác minh của Tòa án ngày 30/6/2021: thì nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là do trước đây vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Ông S biết việc bà N khởi kiện, ông có đến Tòa án nộp bản tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải, ông không đồng ý ly hôn do ông còn thương vợ, con nhưng ông không đến Tòa án để tham dự phiên tòa xét xử mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Xét thấy, mối quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Bởi lẽ, theo lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Theo lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 (hai) người con chung tên Võ Minh H, sinh ngày 12/7/2006 và Võ Ái M, sinh ngày 13/7/2017 sống cùng với nguyên đơn từ khi vợ chồng ly thân vào tháng 6 năm 2020 đến nay. Tại phiên Tòa, nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục được nuôi con chung, bà yêu cầu ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000đồng/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Xét thấy, con chung đã được nguyên đơn nuôi dưỡng ổn định từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, đồng thời để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn, giao con chung là cháu Võ Minh H, sinh ngày 12/7/2006 và Võ Ái M, sinh ngày 13/7/2017 hiện đang sống với nguyên đơn cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Việc giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng cũng phù hợp với ý kiến của Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Kế Sách tại công văn số 186/P.LĐTBXH ngày 13/7/2021.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do nguyên đơn là người trực tiếp nuôi con và có yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là mỗi cháu 1.500.000đồng/tháng. Tại phiên hòa giải ngày 08/7/2021 bị đơn trình bày, bị đơn có khả năng cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nay của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi cháu 1.500.000đồng/tháng đến khi các

con đủ 18 tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27; Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim N ly hôn ông Võ Văn S.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Minh H, sinh ngày 12/7/2006 và Võ Ái M, sinh ngày 13/7/2017 hiện đang sống với bà Nguyễn Thị Kim N cho bà Nguyễn Thị Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo quy định của pháp luật, theo nguyện vọng của cháu H và ý kiến của Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Kế Sách. Ông Võ Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc bị đơn ông Võ Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Võ Minh H, sinh ngày 12/7/2006 và Võ Ái M, sinh ngày 13/7/2017 với mức cấp dưỡng mỗi cháu 1.500.000đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Nguyễn Thị Kim N đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009920 ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách không nộp thêm. Ông Võ Văn S phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Đương sự;
- UBND xã A, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình